

HƯỚNG DẪN CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ NGOÀI ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC THEO THÔNG TƯ 12/2017/TT-BGDĐT

TIÊU CHUẨN 19: QUẢN LÝ TÀI SẢN TRÍ TUỆ

Giải thích:

Sở hữu trí tuệ là thuật ngữ chung cho các quyền khác nhau mà pháp luật quy định để bảo hộ sự sáng tạo trong công việc và đặc biệt là để bảo hộ đầu tư kinh tế trong nỗ lực sáng tạo. Nó bao gồm bản quyền, bằng sáng chế, kiểu dáng, nhãn hiệu, phát minh dữ liệu, nghiên cứu, hồ sơ và kết quả nghiên cứu.

Nghiên cứu được tiến hành do cơ sở giáo dục chủ trì, phối hợp hoặc hỗ trợ cần tuân thủ các chính sách quyền sở hữu trí tuệ được cơ sở giáo dục thiết lập.

Tiêu chí	19.1	19.2	19.3	19.4
Phân loại	P	D	C	A
Tiêu chí (theo TT12) (1)	TC 19.1. Thiết lập được hệ thống quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu.	TC 19.2. Hệ thống ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ được triển khai.	TC 19.3. Hệ thống rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ được triển khai thực hiện.	TC 19.4. Công tác quản lý tài sản trí tuệ được cải tiến để bảo hộ CSGD, cán bộ nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng.
Mô tả yêu cầu của tiêu chí theo công văn 1668 (2)	1. Thiết lập được hệ thống quản lý các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu. 2. Thiết lập được hệ thống bảo hộ các sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu.	1. Hệ thống đăng ký tài sản trí tuệ được triển khai. 2. Hệ thống lưu trữ tài sản trí tuệ được triển khai. 3. Hệ thống khai thác tài sản trí tuệ được triển khai.	Hệ thống rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ được triển khai thực hiện.	Công tác quản lý tài sản trí tuệ được cải tiến để bảo hộ CSGD, cán bộ nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng.
Mốc chuẩn tham chiếu tối thiểu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4 theo công văn 1668 (3)	1. Có đơn vị/bộ phận/nhân sự quản lý và hỗ trợ bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả NC. 2. Có quy định rõ về việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, về các sáng chế, bản quyền và các kết quả nghiên cứu cũng như việc định giá các đối tượng sở hữu trí tuệ phù hợp với yêu cầu của quốc gia và quốc tế. 3. Có chính sách hỗ trợ trong giai đoạn chuẩn bị và hỗ trợ khai thác thương mại hóa các đề tài nghiên cứu. 4. Có quy định về việc khai thác tài sản trí tuệ (thử nghiệm, sản xuất thử, thương mại hóa và trích dẫn). 5. Có quy định về quy trình công bố, theo dõi và lưu trữ kết quả nghiên cứu.	1. Các tài sản trí tuệ phải được đăng ký bảo hộ theo đúng quy định của pháp luật. 2. CSGD phổ biến, hướng dẫn, hỗ trợ cho cán bộ khoa học, GV các quy định về quyền sở hữu trí tuệ (như đăng ký bản quyền, quyền sở hữu công nghiệp, công nhận sản phẩm KHCN, khiếu nại hoặc khởi kiện về hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của cán bộ, GV thuộc CSGD). 3. CSGD thực hiện việc xây dựng CSDL; rà soát, phát hiện các hành vi vi phạm tài sản trí tuệ.	1. CSGD triển khai rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ ít nhất 2 lần trong chu kỳ đánh giá. 2. Có tổng kết, đánh giá công tác quản lý tài sản trí tuệ.	1. Có kế hoạch và triển khai thực hiện cải tiến công tác quản lý tài sản trí tuệ để bảo hộ CSGD, cán bộ nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng có hiệu quả. 2. Ít nhất 75% số các bên liên quan (được khảo sát) hài lòng về công tác quản lý tài sản trí tuệ của CSGD.
Gợi ý nguồn minh chứng theo công văn 1668 (4)	- Văn bản quy định rõ về chuẩn mực, đạo đức, bảo hộ phát minh, sáng chế, bản quyền và các kết quả nghiên cứu cũng như việc định giá các đối tượng sở hữu trí tuệ phù hợp với yêu cầu của quốc gia và quốc tế*. - Văn bản về chính sách hỗ trợ trong giai đoạn chuẩn bị và hỗ trợ khai thác thương mại hóa các đề tài nghiên cứu được phê duyệt*. - Văn bản quy định về quy trình công bố, theo dõi và lưu trữ kết quả nghiên cứu*. - Các công cụ hỗ trợ quản lý sở hữu trí tuệ (nếu có). - Thống kê và danh mục các đề tài NCKH của CSGD thực hiện trong 5 năm của chu kỳ đánh giá (chủ trì, tên, cấp quản lý, ...). - Giấy chứng nhận đăng ký quyền sở hữu trí tuệ (nếu có). - Văn bản giải quyết xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ (nếu có). - Phân công trách nhiệm và hướng dẫn cho các bộ	- Các bằng sáng chế, bản quyền, nhãn hiệu...*. - Hệ thống dữ liệu, hồ sơ và kết quả nghiên cứu của CSGD cập nhật từng năm*. - Các ấn phẩm khoa học. - Các văn bản yêu cầu, quy định hướng dẫn về việc ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ*. - Các thử nghiệm, sản xuất thử và thương mại hóa. - Các hợp đồng thương mại hóa các tài sản trí tuệ*.	- Báo cáo tổng kết, đánh giá, rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ của CSGD*. - Các minh chứng về việc triển khai các hoạt động rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ (kế hoạch rà soát, kết quả rà soát,..)*.	- Các kế hoạch cải tiến chất lượng công tác quản lý tài sản trí tuệ sau rà soát, đánh giá*. - Các báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng công tác quản lý tài sản trí tuệ*. - Các báo cáo tổng kết công tác quản lý tài sản trí tuệ hằng năm (trong đó bao gồm đánh giá tổng nguồn thu từ khai thác thương mại tài sản trí tuệ)*. - Các ý kiến đánh giá phản hồi của các bên liên quan về công tác quản lý tài sản trí tuệ của CSGD*.

© Bản quyền thuộc Trung tâm KĐCLGD-ĐHQGHN

Tiêu chí	19.1	19.2	19.3	19.4
Phân loại	P	D	C	A
Tiêu chí (theo TT12) (1)	TC 19.1. Thiết lập được hệ thống quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu.	TC 19.2. Hệ thống ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ được triển khai.	TC 19.3. Hệ thống rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ được triển khai thực hiện.	TC 19.4. Công tác quản lý tài sản trí tuệ được cải tiến để bảo hộ CSGD, cán bộ nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng.
	phận/cá nhân quản lý/hỗ trợ bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu của CSGD*.			
Văn bản pháp quy của Nhà nước, Bộ GDĐT, đơn vị chủ quản và văn bản của nhà trường mà chuyên gia cần tham chiếu (5)	<p>- CP: Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật số 36/2009/QH12 ngày 19/6/2008 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi năm 2009; Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ</p> <p>- Các Bộ: QĐ 78/2008/QĐ-BGDĐT ngày 29/12/2008 Quy định về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong CSGDDH; CV 4059/BGDĐT-KHCNMT ngày 6/9/2018 Hướng dẫn triển khai hoạt động sở hữu trí tuệ trong các CSGDDH; Thông tư 18/2012/TT-BKHCN ngày 02/12/2010 Hướng dẫn tiêu chí và quy trình xác định công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao, Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, Danh mục công nghệ cấm chuyển giao</p> <p>- Nhà trường: Văn bản hướng dẫn, quy định của Nhà trường về sở hữu trí tuệ như quy định/quy chế quản trị tài sản trí tuệ, Quy định về hoạt động sở hữu trí tuệ, định/hướng dẫn về phòng chống đạo văn, cách trích dẫn trong NCKH, quy định về việc biên soạn, thẩm định, xuất bản tài liệu giảng dạy v.v...</p>	<p>- CP: Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật số 36/2009/QH12 ngày 19/6/2008 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi năm 2009; Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ</p> <p>- Các Bộ: QĐ 78/2008/QĐ-BGDĐT ngày 29/12/2008 Quy định về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong CSGDDH; CV 4059/BGDĐT-KHCNMT ngày 6/9/2018 Hướng dẫn triển khai hoạt động sở hữu trí tuệ trong các CSGDDH; Thông tư 18/2012/TT-BKHCN ngày 02/12/2010 Hướng dẫn tiêu chí và quy trình xác định công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao, Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, Danh mục công nghệ cấm chuyển giao</p> <p>- Nhà trường: Văn bản hướng dẫn, quy định của Nhà trường về sở hữu trí tuệ như quy định/quy chế quản trị tài sản trí tuệ, Quy định về hoạt động sở hữu trí tuệ, định/hướng dẫn về phòng chống đạo văn, cách trích dẫn trong NCKH, quy định về việc biên soạn, thẩm định, xuất bản tài liệu giảng dạy v.v...</p>	<p>- CP: Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật số 36/2009/QH12 ngày 19/6/2008 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi năm 2009; Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ</p> <p>- Các Bộ: QĐ 78/2008/QĐ-BGDĐT ngày 29/12/2008 Quy định về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong CSGDDH; CV 4059/BGDĐT-KHCNMT ngày 6/9/2018 Hướng dẫn triển khai hoạt động sở hữu trí tuệ trong các CSGDDH;</p> <p>- Nhà trường: Văn bản hướng dẫn, quy định của Nhà trường về sở hữu trí tuệ như quy định/quy chế quản trị tài sản trí tuệ, Quy định về hoạt động sở hữu trí tuệ, định/hướng dẫn về phòng chống đạo văn, cách trích dẫn trong NCKH, quy định về việc biên soạn, thẩm định, xuất bản tài liệu giảng dạy v.v...</p>	<p>- CP: Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 và sửa đổi năm 2009; Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ</p> <p>- Bộ GD&ĐT: 78/2008/QĐ-BGDĐT Quy định về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong CSGDDH</p> <p>- Nhà trường: Văn bản hướng dẫn, quy định của Nhà trường về sở hữu trí tuệ như quy định/quy chế quản trị tài sản trí tuệ, Quy định về hoạt động sở hữu trí tuệ, định/hướng dẫn về phòng chống đạo văn, cách trích dẫn trong NCKH, quy định về việc biên soạn, thẩm định, xuất bản tài liệu giảng dạy v.v...</p>
Thông tin hỗ trợ đánh giá (từ dữ liệu Báo cáo Tự đánh giá và các Bảng biểu do Nhà trường và Trung tâm KĐCLGD cung cấp) (6)	<p>- Sơ đồ tổ chức của Nhà trường (trong đó có bộ phận được giao nhiệm vụ quản lý quản lý và hỗ trợ bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu)</p> <p>- Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường, trong đó có chức năng, nhiệm vụ của bộ phận chức năng thực hiện việc quản lý quản lý và hỗ trợ bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu</p>	<p>- Danh mục những sản phẩm đã được đăng ký bản quyền, quyền sở hữu công nghiệp, công nhận sản phẩm KHCN</p> <p>- Công cụ quản lý (lưu trữ và khai thác) hệ thống/cơ sở dữ liệu tài sản trí tuệ</p> <p>- Các khiếu nại hoặc đơn, thư khiếu nại về hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của cán bộ, GV, người học (nếu có)</p>	Danh mục các văn bản trong hệ thống văn bản quản lý điều hành (để thu thập thông tin về ban hành văn bản mới, sửa đổi, điều chỉnh văn bản về sở hữu trí tuệ)	<p>- Kết quả phân tích dữ liệu về công tác quản trị, quản lý của Nhà trường, trong đó có công tác sở hữu trí tuệ</p> <p>- Quá trình thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về quản lý tài sản trí tuệ (bộ phận đầu mối, triển khai, thời điểm, thời gian thực hiện)</p>
Rubric Indicators Các câu hỏi chẩn đoán ứng với mô tả tiêu chí (thiết kế theo P-D-C-A) (7)	<p>1. Nhà trường có đơn vị/bộ phận/nhân sự quản lý và hỗ trợ bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu không? Đó là bộ phận nào?</p> <p>2. Nhà trường có quy định rõ về việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, về các sáng chế, bản quyền và các kết quả nghiên cứu không?</p>	<p>1. Nhà trường có thực hiện đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo đúng quy định của pháp luật đối với tài sản trí tuệ của Nhà trường không?</p> <p>2. Nhà trường có phổ biến, hướng dẫn, hỗ trợ cho cán bộ khoa học, GV các quy định về quyền sở hữu trí tuệ không?</p>	<p>1. Nhà trường có quy định về việc rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ ít nhất 2 lần trong chu kỳ đánh giá không? Việc rà soát có được đưa vào kế hoạch nhiệm vụ không?</p> <p>2. Nhà trường có triển khai rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ ít nhất 2 lần trong chu kỳ đánh giá không? Nếu có, hình thức rà soát</p>	<p>1. Nhà trường có kế hoạch và triển khai thực hiện cải tiến công tác quản lý tài sản trí tuệ không?</p> <p>2. Việc cải tiến công tác quản lý tài sản trí tuệ được thể hiện như thế nào (điều chỉnh/bổ sung văn bản quy định/hướng dẫn; điều chỉnh quy trình; bổ sung/thay thế nhân sự; sử dụng các tài</p>

© Bản quyền thuộc Trung tâm KĐCLGD-ĐHQGHN

Tiêu chí	19.1	19.2	19.3	19.4
Phân loại	P	D	C	A
Tiêu chí (theo TT12) (1)	TC 19.1. Thiết lập được hệ thống quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu.	TC 19.2. Hệ thống ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ được triển khai.	TC 19.3. Hệ thống rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ được triển khai thực hiện.	TC 19.4. Công tác quản lý tài sản trí tuệ được cải tiến để bảo hộ CSGD, cán bộ nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng.
	Các văn bản này có nội dung phù hợp với việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, về các sáng chế, bản quyền và các kết quả nghiên cứu cũng như việc định giá các đối tượng sở hữu trí tuệ phù hợp với yêu cầu của quốc gia và quốc tế không? 3. Nhà trường có chính sách hỗ trợ trong giai đoạn chuẩn bị và hỗ trợ khai thác thương mại hóa các đề tài nghiên cứu không? Chính sách này thể hiện trong văn bản nào? 4. Nhà trường có quy định về việc khai thác tài sản trí tuệ (thử nghiệm, sản xuất thử, thương mại hóa và trích dẫn). 5. Nhà trường có quy định về quy trình công bố, theo dõi và lưu trữ kết quả nghiên cứu không?	3. Nhà trường có xây dựng CSDL lưu trữ về tài sản trí tuệ không? Nếu có, việc xây dựng được triển khai như thế nào (những bộ phận tham gia, công cụ quản lý dữ liệu...)? 4. Nhà trường có thực hiện rà soát, phát hiện các hành vi vi phạm tài sản trí tuệ như thế nào?	(khảo sát, đánh giá...) là gì? Kết quả rà soát như thế nào? 3. Nhà trường có đánh giá đánh giá kết quả đạt được so với kế hoạch, hoặc so với tiềm lực của Nhà trường và so với bối cảnh chung các CSGD ĐH khác về công tác này? 4. Nhà trường có thực hiện tổng kết, đánh giá công tác quản lý tài sản trí tuệ không?	sản trí tuệ - phần mềm, máy móc có bản quyền v.v...) 3. Nhà trường có thực hiện lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về về công tác quản lý tài sản trí tuệ không? Hình thức và kết quả phản hồi như thế nào? Bao nhiêu % các bên liên quan hài lòng về công tác quản lý tài sản trí tuệ của Nhà trường?.
Evidences Tên các minh chứng ứng với phần trả lời câu hỏi chẩn đoán (liệt kê tên, và nên có file MC kèm theo) (8)	<ul style="list-style-type: none"> Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường, trong đó có quy định về bộ phận phụ trách/quản lý và hỗ trợ bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu Văn bản về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, về các sáng chế, bản quyền và các kết quả nghiên cứu (bao gồm Quy định về kiểm soát và xử lý đạo văn các sản phẩm học thuật...) Văn bản về quy định về việc khai thác tài sản trí tuệ (thử nghiệm, sản xuất thử, thương mại hóa và trích dẫn) Dữ liệu, hồ sơ và kết quả nghiên cứu * 	<ul style="list-style-type: none"> Hồ sơ tài sản trí tuệ được đăng ký bảo hộ theo quy định của pháp luật theo từng năm Kế hoạch, công văn/văn bản triển khai, biên bản, báo cáo về việc phổ biến, hướng dẫn, hỗ trợ cho cán bộ khoa học, GV các quy định về quyền sở hữu trí tuệ Các biên bản làm việc rà soát, phát hiện các hành vi vi phạm tài sản trí tuệ. Kế hoạch nhiệm vụ năm học của Trường; của bộ phận chức năng liên quan 	<ul style="list-style-type: none"> Hệ thống văn bản quản lý điều hành, đặc biệt là hệ thống văn bản thuộc lĩnh vực quản lý tài sản trí tuệ Biên bản làm việc; báo cáo tổng kết năm học; trong đó có lĩnh vực quản lý tài sản trí tuệ 	<ul style="list-style-type: none"> Các văn bản, hồ sơ chứng tỏ việc Nhà trường đã thực hiện cải tiến công tác quản lý tài sản trí tuệ được thể hiện như thế nào (điều chỉnh/bổ sung văn bản quy định/hướng dẫn; điều chỉnh quy trình; bổ sung/thay thế nhân sự v.v...) Phiếu khảo sát; báo cáo khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan, trong đó có nội dung về quản lý tài sản trí tuệ
Interview Phòng vấn các bên liên quan (Check các thông tin phục vụ trả lời cho câu hỏi chẩn đoán) (9)	<ul style="list-style-type: none"> Lãnh đạo Nhà trường về việc chỉ đạo công tác quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu Lãnh đạo bộ phận chức năng chuyên trách về hệ thống quản lý và bảo hộ tài sản trí tuệ về thực trạng quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu. (các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu...) Giảng viên và sinh viên/cựu sinh viên về kiểm soát và xử lý đạo văn các sản phẩm học thuật của Nhà trường, về bản quyền các sản phẩm học thuật (tài sản trí tuệ)... 	<ul style="list-style-type: none"> Lãnh đạo bộ phận chức năng chuyên trách về hệ thống quản lý và bảo hộ tài sản trí tuệ về hệ thống ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ Giảng viên và người học về phổ biến, hướng dẫn, hỗ trợ cho cán bộ khoa học, GV các quy định về quản lý sở hữu tài sản trí tuệ (như đăng ký bản quyền, quyền sở hữu công nghiệp, công nhận sản phẩm KHCN, khiếu nại hoặc khởi kiện về hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của cán bộ, GV...); về thực trạng việc thực hiện bảo hộ bản quyền các tài sản trí tuệ ở đơn vị; về các vi phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với các tài sản trí tuệ ở đơn vị 	<ul style="list-style-type: none"> Lãnh đạo bộ phận chức năng liên quan về hoạt động triển khai rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ Giảng viên về những cải thiện trong công tác quản lý tài sản trí tuệ Người học và cựu người học về hoạt động quản lý tài sản trí tuệ của Nhà trường (việc sử dụng các phần mềm/công cụ chống đạo văn, quy định trích dẫn...) 	<ul style="list-style-type: none"> Lãnh đạo bộ phận chức năng liên quan về việc cải tiến công tác quản lý tài sản trí tuệ Giảng viên, người học và cựu người học về việc cải tiến trong hoạt động quản lý tài sản trí tuệ
Quan sát (Check các thông tin phục vụ trả lời cho câu hỏi chẩn đoán) (10)	Website của Nhà trường, mục cơ cấu tổ chức, chức năng – nhiệm vụ của các bộ phận chức năng liên quan	Website của Nhà trường, trong mục hệ thống văn bản, có đăng tải văn bản quy định, hướng dẫn về sở hữu trí tuệ, quản lý tài sản trí tuệ, văn bản chống đạo văn v.v... Cơ sở dữ liệu của hệ thống lưu trữ tài sản trí tuệ của Nhà trường	Các kế hoạch nhiệm vụ năm học; các báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường để thu thập thông tin về việc thực hiện rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ, tổng kết về công tác quản lý tài sản trí tuệ	Sự biến thiên (tăng, giảm) số phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu được đăng ký, được cấp chứng nhận bản quyền trong giai đoạn 5 năm Sự gia tăng, thay thế các phần mềm, thiết bị có bản quyền được sử dụng trong Nhà trường

© Bản quyền thuộc Trung tâm KĐCLGD-ĐHQGHN

Tiêu chí	19.1	19.2	19.3	19.4
Phân loại	P	D	C	A
Tiêu chí (theo TT12) (1)	TC 19.1. Thiết lập được hệ thống quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu.	TC 19.2. Hệ thống ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ được triển khai.	TC 19.3. Hệ thống rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ được triển khai thực hiện.	TC 19.4. Công tác quản lý tài sản trí tuệ được cải tiến để bảo hộ CSGD, cán bộ nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng.
			Công văn triển khai nhiệm vụ; các biên bản làm việc về rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ (nếu có)	
Tiêu chí liên quan (chuyên gia xem xét các tiêu chí liên quan khác để check thông tin và điểm số) (11)	Tiêu chuẩn 1: 1.1 Tiêu chuẩn 2: 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 Tiêu chuẩn 3: 3.1 Tiêu chuẩn 4: 4.1, 4.3, 4.4 Tiêu chuẩn 5: 5.1, 5.2, 5.3, 5.4 Tiêu chuẩn 23: 23.1, 23.2, 23.4, 23.6	Tiêu chuẩn 1: 1.1 Tiêu chuẩn 2: 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 Tiêu chuẩn 3: 3.1 Tiêu chuẩn 4: 4.1, 4.3, 4.4 Tiêu chuẩn 5: 5.1, 5.2, 5.3, 5.4 Tiêu chuẩn 23: 23.1, 23.2, 23.4, 23.6	Tiêu chuẩn 1: 1.1 Tiêu chuẩn 2: 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 Tiêu chuẩn 3: 3.1 Tiêu chuẩn 4: 4.1, 4.3, 4.4 Tiêu chuẩn 5: 5.1, 5.2, 5.3, 5.4 Tiêu chuẩn 23: 23.1, 23.2, 23.4, 23.6	Tiêu chuẩn 2, 3 Tiêu chuẩn 4: 4.1, 4.3, 4.4, Tiêu chuẩn 5: 5.1, 5.2, 5.3, 5.4, Tiêu chuẩn 23
Kinh nghiệm trong quá trình ĐGN (12)	Xem trong các văn bản Chiến lược phát triển của Nhà trường; các kế hoạch trung hạn, kế hoạch năm học, kế hoạch theo lĩnh vực KHCN để thấy khai thác thêm thông tin về hệ thống quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu	Quan sát các tài sản trí tuệ (phần mềm, máy móc, sách) được sử dụng ở đơn vị là những sản phẩm có bản quyền hay không	Kiểm tra hệ thống văn bản quản lý điều hành của Nhà trường để thấy được có sự bổ sung, sửa đổi văn bản Quan sát các tài sản trí tuệ (phần mềm, máy móc, sách) được sử dụng ở đơn vị là những sản phẩm có bản quyền hay không; các phần mềm, thiết bị được trang bị có bản quyền (nếu có) ở thời điểm nào?	Sự gia tăng, thay thế các phần mềm, thiết bị có bản quyền được sử dụng trong Nhà trường